TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THUỶ
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/8/2019
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THUỶ, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ông Ngọc Lễ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Xuân Thu
2. Ông Đoàn Trung Tuyến

- ***Thư ký phiên toà****: Bà Trịnh Thị Mừng* – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thuỷ, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa***: Bà Lâm Thị Tuất – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2019/ TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn, nuôi con chung", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1985
Bị đơn: Anh Đặng Văn B; sinh năm 1982.
Đều có địa chỉ: xóm 4, xã B, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định Tại phiên tòa: có mặt chị H, anh B vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/4/2019, bản tự khai ngày 25/5/2019 và tại phiên tòa chị Bùi Thị H nguyên đơn trong vụ án trình bày: Chị và anh Đặng Văn B tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã B cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 23/7/2003. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh B đã bỏ đi theo người phụ nữ khác, không quan tâm đến ba mẹ con chị ở nhà. Vợ chồng đã sống ly thân gần 06 năm nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương và không

thể chung sống với nhau được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Văn B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đặng Văn Đ sinh ngày 03/11/2003 và Đặng Văn Nh sinh ngày 28/12/2010 chị đề nghị giải quyết nuôi con theo pháp luật.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ và ruộng nhận khoán hợp tác xã, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02 tháng 7 năm 2019 cháu Đặng Văn Nh là con chung của chị H anh B có nguyện vọng được ở cùng ông bà nội khi bố mẹ ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 08 tháng 7 năm 2019 cháu Đặng Văn Đ là con chung của chị H anh B có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Tại biên bản làm việc với cơ sở xóm nơi anh B và chị H cư trú đã cung cấp: Vợ chồng chị H mâu thuẫn do anh B đã có người phụ nữ khác, chị H đã bỏ nhà về nhà bố mẹ đẻ ở Hồng Thuận sinh sống, còn hai con ở với ông bà nội. Nếu Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn anh B , nên giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng vì anh B đi làm xa đã có người phụ nữ khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Đặng Văn B Về con chung: Giao anh B trực tiếp nuôi cháu Đặng Văn Đ, sinh ngày 03/11/2003; Giao chị H trực tiếp nuôi cháu Đặng Văn Nh sinh ngày 28/12/2010, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy nội dung nguyên đơn chị Bùi Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung đối với anh Đặng Văn B; Địa chỉ nơi cư trú: Xóm 4, xã B, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định. Anh Đặng Văn B (là bị đơn) đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đặng Văn B.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Đặng Văn B tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã B, huyện Giao Thủy cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/7/2003 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống thực sự hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh B đã có người phụ nữ khác nên không quan tâm chăm lo cho gia

đình.Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 06 năm nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B. Trong quá trình giải quyết vụ án anh B đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn không có mặt tại tòa án để giải quyết càng thể hiện anh B không thiết tha đoàn tụ gia đình.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh B đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chấp nhận nguyện vọng của chị H xin ly hôn anh B là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đặng Văn Đ, sinh ngày 03/11/2003 và Đặng Văn Nh sinh ngày 28/12/2010. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật.

Xét điều kiện hiện tại của chị H và anh B thấy: Chị H và anh B đều lao động tự do, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay chị H chưa có chỗ ở riêng phải về nhà mẹ đẻ ở xã Hồng T ở nhờ, anh B ở chung cùng bố mẹ đẻ. Vì vậy nên giao chị H trực tiếp nuôi cháu Nhân; giao anh B tiếp tục nuôi cháu Đức là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị H, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, các mối quan hệ khác về tài sản và ruộng khoán của hợp tác xã: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa: Chị Bùi Thị H và anh Đặng Văn B.

2. Về con chung: Giao chị H trực tiếp nuôi con chung là Đặng Văn Nh, sinh ngày 28/12/2010; Giao anh B trực tiếp nuôi con chung là Đặng Văn Đ sinh ngày

03/11/2003, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị H, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo biên lai thu số 0000379 ngày 25/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy (chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Cơ quan đã cấp ĐKKH;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ông Ngọc Lễ